

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN
KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN
BÌNH DƯƠNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp ngày 31 tháng 12 năm 2012	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	14 - 42
8. Phụ lục	43 - 46

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Bộ phận kinh doanh bán buôn và bán lẻ trực thuộc Công ty thương mại đầu tư và phát triển Bình Dương (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) theo Quyết định số 30/2002/QĐ-UB ngày 20 tháng 3 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 3700413826 (số cũ là 4603000041), đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 02 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

<i>Cổ đông</i>	<i>Vốn góp (VND)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	607.005.000.000	60,70%
Ông Nguyễn Tấn Lợi	4.350.000.000	0,43%
Ông Lê Minh Tâm	2.921.700.000	0,29%
Ông Đoàn Văn Thuận	3.204.000.000	0,32%
Bà Lê Thị Diệu Thanh	4.350.000.000	0,43%
Các cổ đông khác	378.169.300.000	37,83%
Cộng	1.000.000.000.000	100,00%

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 16 tháng 4 năm 2010 với mã chứng khoán là TDC.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (84 – 650) 2 220 666 – 2 220 677
Fax : (84 – 650) 2 220 678
Mã số thuế : 3 7 0 0 4 1 3 8 2 6

Các đơn vị trực thuộc:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng Bình Dương	Số 236, Đường DT 743, phường Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp bê tông trộn sẵn Mỹ Phước	Đường D1, khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp cầu kiện bê tông đúc sẵn TDC	Đường Vành đai, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng	Thôn Ngô Yên, xã An Hồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng
Chi nhánh 3 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	107 – 109 – 111 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	ấp 2, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hà Nội	Phòng 604, tầng 06, toà nhà Noza, số 243 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland	Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh 1 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland	Số 15-16, Lô B, KPTM Unitown, Đường Trần Quốc Toàn, Phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương.
Chi nhánh 02 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng	Toà nhà Central, số 43 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland tại Bàu Bàng	Đường NC khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Bàu Bàng, xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Chi tiết: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng. Kinh doanh bất động sản;
- Đại lý, môi giới, đấu giá.
Chi tiết: Đại lý phân phối hàng hoá cho các nhà sản xuất trong và ngoài nước;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
Chi tiết: Môi giới bất động sản; tư vấn bất động sản; đấu giá bất động sản; quảng cáo bất động sản; quản lý bất động sản; sàn giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu.
Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- Hoạt động của các tổ chức khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.
Chi tiết: Tổ chức các trận thi đấu bóng đá;
- Quảng cáo.
Chi tiết: Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.
Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị điện tử; hàng trang trí nội ngoại thất;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị điện; Nhập khẩu và mua bán các thiết bị thể dục thể thao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.
Chi tiết: Mua bán hoá chất (trừ hoá chất bằng 1 theo công ước quốc tế);
- Xây dựng nhà các loại.
Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Cát tạo dáng và hoàn thiện đá.
Chi tiết: Gia công, chế biến đá xây dựng;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.
Chi tiết: Sản xuất bê tông cốt thép đúc sẵn;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại.
Chi tiết: - Sản xuất cấu kiện bằng thép.
- Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng kiến trúc;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
Chi tiết: Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội – ngoại thất công trình; Lập dự án đầu tư;

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản.
Chi tiết: Đầu tư tài chính;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.
Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao.
Chi tiết: Kinh doanh các công việc phụ trợ phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (bê tông);

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 42).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27 tháng 4 năm 2012 như sau:

- Trích Quỹ thưởng ban Quản lý, điều hành:	868.000.000 VND
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	8.522.394.987 VND
- Chia cổ tức:	<u>200.000.000.000 VND</u>
Cộng:	<u>209.390.394.987 VND</u>

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Bùi Thị Lan	Chủ tịch	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Quán Văn Viết Cường	Thành viên	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Lê Minh Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	-
Ông Đoàn Văn Thuận	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-
Bà Huỳnh Thị Phương Thảo	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Dương Hồng Ty	Trưởng ban	07 tháng 11 năm 2003	-
Bà Nguyễn Ngô Hường Dương	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	-
Bà Lê Thị Diệu Thanh	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Văn Thuận	Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Lê Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Phan Minh Lâm	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 02 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

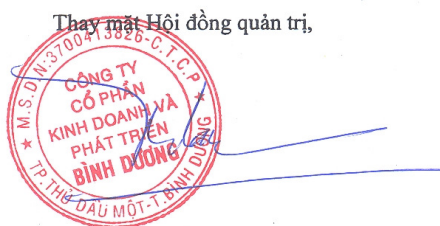
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Bùi Thị Lan
Chủ tịch

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Số: 0364/2013/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2012 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 02 năm 2013, từ trang 07 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1199/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,114,588,443,665	2,469,326,693,390
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37,936,516,201	63,614,848,124
1. Tiền	111		11,936,516,201	9,614,848,124
2. Các khoản tương đương tiền	112		26,000,000,000	54,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5,814,123,600	10,727,694,669
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	8,095,770,935	12,593,383,585
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(2,281,647,335)	(1,865,688,916)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,391,901,349,157	1,162,853,043,338
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	1,353,348,357,695	1,067,742,250,252
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	26,421,453,509	82,989,881,936
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	16,402,718,074	16,319,520,127
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(4,271,180,121)	(4,198,608,977)
IV. Hàng tồn kho	140		1,670,727,739,663	1,227,634,371,648
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1,670,826,558,244	1,227,634,371,648
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(98,818,581)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8,208,715,044	4,496,735,611
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	1,027,539,691	208,922,485
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		820,250,960	3,526,790,728
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	6,360,924,393	761,022,398

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		261,270,195,911	184,299,478,543
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		96,297,819,461	102,184,617,956
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	81,925,306,237	73,582,578,029
<i>Nguyên giá</i>	222		135,195,388,785	115,333,138,103
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(53,270,082,548)	(41,750,560,074)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	8,006,566,224	8,194,781,232
<i>Nguyên giá</i>	228		8,944,200,743	8,944,200,743
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(937,634,519)	(749,419,511)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	6,365,947,000	20,407,258,695
III. Bất động sản đầu tư	240	V.14	1,745,177,065	1,930,505,605
<i>Nguyên giá</i>	241		2,409,271,000	2,409,271,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(664,093,935)	(478,765,395)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		160,567,608,139	76,470,900,192
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	111,845,000,000	21,494,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	2,235,910,000	7,635,910,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	51,160,000,000	50,860,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(4,673,301,861)	(3,519,009,808)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2,659,591,246	3,713,454,790
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	1,273,323,902	2,227,991,280
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.20	412,437,944	467,816,830
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.21	973,829,400	1,017,646,680
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,375,858,639,576	2,653,626,171,933

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,169,123,511,839	1,395,871,278,230
I. Nợ ngắn hạn	310		1,970,250,635,611	1,238,760,768,602
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	196,217,506,780	117,580,482,251
2. Phải trả người bán	312	V.23	721,450,202,763	344,682,085,970
3. Người mua trả tiền trước	313	V.24	310,953,269,703	232,510,281,131
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.25	36,956,046,645	26,974,630,807
5. Phải trả người lao động	315	V.26	3,628,600,932	2,992,437,957
6. Chi phí phải trả	316	V.27	489,561,547,616	390,161,886,500
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.28	202,954,436,055	99,528,850,353
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.29	7,016,625,444	22,006,731,427
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.30	1,512,399,673	2,323,382,206
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		198,872,876,228	157,110,509,628
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.31	194,008,035,762	150,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	339,904,697
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.32	4,864,840,466	6,770,604,931
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,206,735,127,737	1,257,754,893,703
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,206,735,127,737	1,257,754,893,703
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.33	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.33	1,841,123,840	1,841,123,840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.33	4,640,739,814	4,640,739,814
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(5,278,598,846)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.33	28,331,589,757	28,331,589,757
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.33	13,537,934,890	13,537,934,890
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.33	158,383,739,436	214,682,104,248
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,375,858,639,576	2,653,626,171,933

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-		-	
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-		-	
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-		-	
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-		14,224,277	
5. Ngoại tệ các loại		-		-	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-		-	

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,767,200,390,024	1,807,755,038,944
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	137,132,362,558	22,624,177,762
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,630,068,027,466	1,785,130,861,182
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,329,775,571,060	1,479,707,039,298
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		300,292,456,406	305,423,821,884
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15,272,869,795	23,475,729,176
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	35,642,639,135	26,437,708,130
Trong đó: chi phí lãi vay	23		28,465,766,431	20,870,252,149
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	68,449,341,623	51,597,742,387
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	39,521,103,389	36,120,242,544
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		171,952,242,054	214,743,857,999
11. Thu nhập khác	31	VI.7	34,312,320,435	43,439,154,872
12. Chi phí khác	32	VI.8	2,035,528,487	4,513,423,162
13. Lợi nhuận khác	40		32,276,791,948	38,925,731,710
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		204,229,034,002	253,669,589,709
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.25	51,081,624,941	59,201,096,531
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	IV.18	55,378,886	3,117,889,819
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>153,092,030,175</u>	<u>191,350,603,359</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểuLý Thị Bình
Kế toán trưởngĐoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		204,229,034,002	253,669,589,709
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11;V.12;V.14	13,744,055,177	12,117,272,064
- Các khoản dự phòng	03		1,741,640,197	5,927,359,204
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	5,267,400,560	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3;VI.7;VI.8	(6,930,896,065)	(28,480,616,821)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	28,465,766,431	20,870,252,149
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		246,517,000,302	264,103,856,305
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(228,624,329,787)	(441,099,507,629)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(443,192,186,596)	(455,520,021,146)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		447,879,478,252	503,910,767,233
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		136,050,172	(907,136,488)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(27,224,519,097)	(2,312,085,482)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.25	(48,074,219,801)	(44,485,339,627)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		47,028,620,750	10,925,873,500
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(51,595,377,520)	(12,491,122,746)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(57,149,483,325)	(177,874,716,080)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11;V.14	(10,343,167,677)	(36,719,737,431)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	3,269,504,573	10,941,127,403
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(13,887,407,980)	(28,429,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8,306,382,195	22,799,722,034
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12,654,688,889)	(31,407,887,994)

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	800,000,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.22;V.31	516,647,422,149	348,086,504,509
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.22;V.31	(394,002,361,858)	(827,899,205,389)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.33	(78,519,220,000)	(79,959,850,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		44,125,840,291	240,227,449,120
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(25,678,331,923)	30,944,845,046
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	63,614,848,124	32,670,003,078
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	37,936,516,201	63,614,848,124

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và kinh doanh bất động sản.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản. Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cầu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 557 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 523 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009. Qui định của Thông tư số 179/2012/TT-BTC thay đổi so với Thông tư số 201/2009/TT-BTC Công ty đang áp dụng về tỷ giá qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ và tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm cũng như xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Theo Thông tư 201/2009/TT-BTC, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Tuy nhiên, Thông tư số 179/2012/TT-BTC cho phép khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước chưa phân bổ hết được tiếp tục phân bổ theo số năm còn lại.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Quyền sử dụng đất

13

8. **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng toà nhà văn phòng, lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong thời gian từ 02 - 03 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trả trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính tối đa bằng 05% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	10%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	05%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	10%

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
31/12/2012 : 20.809 VND/USD

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	667.133.315	702.749.083
Tiền gửi ngân hàng	11.269.382.886	8.912.099.041
Các khoản tương đương tiền (*)	26.000.000.000	54.000.000.000
Cộng	<u>37.936.516.201</u>	<u>63.614.848.124</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng. Trong đó, hợp đồng tiền gửi trị giá 3.000.000.000 VND đang được cầm cố tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		8.095.770.935		12.593.383.585
- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	433.709	4.893.028.550	261.409	3.305.620.570
- Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	190.697	3.202.682.385	190.697	3.202.682.385
- Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	6	60.000	445.916	4.921.390.000
- Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ)	-	-	174.800	1.163.690.630
Cộng		<u>8.095.770.935</u>		<u>12.593.383.585</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu của Công ty cổ phần khoáng sản Becamex: tăng do mua thêm 172.300 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 1.587.407.980 VND.
- Cổ phiếu của Công ty cổ phần bê tông Becamex: giảm do bán 445.910 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 4.921.330.000 VND.
- Cổ phiếu của Công ty cổ phần phát triển đô thị: giảm do bán hết cổ phiếu đã đầu tư.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	1.865.688.916
Trích lập dự phòng bổ sung	415.958.419
Số cuối năm	2.281.647.335

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng kinh doanh hàng hoá	521.456.202.126	319.657.565.887
Các khách hàng kinh doanh bất động sản	831.892.155.569	748.084.684.365
Cộng	1.353.348.357.695	1.067.742.250.252

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước tiền kinh doanh bất động sản	14.573.995.576	81.696.387.480
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	11.774.857.933	1.247.294.456
Trả trước các nhà cung cấp khác	72.600.000	46.200.000
Cộng	26.421.453.509	82.989.881.936

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	109.444.444	238.468.798
Thuế giá trị gia tăng đã nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	11.701.905.433	9.749.356.287
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	2.409.643.737	2.071.107.280
Cổ tức phải thu	465.369.864	3.129.652.903
Phải thu tiền ứng vốn hoạt động	649.003.039	-
Khoản bồi thường vật tư thi công phải thu	616.809.262	486.230.835
Các khoản phải thu khác	450.542.295	644.704.024
Cộng	16.402.718.074	16.319.520.127

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	15.281.824	16.646.240
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	12.494.968	112.854.155
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	4.243.403.329	4.069.108.582
Cộng	4.271.180.121	4.198.608.977

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	4.198.608.977
Trích lập dự phòng bổ sung	72.571.144
Số cuối năm	4.271.180.121

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	8.133.952.319	10.552.869.552
Công cụ dụng cụ	774.834.848	990.594.689
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.528.884.669.902	1.148.753.299.119
Thành phẩm	3.016.521.088	1.798.571.940
Hàng hóa	130.016.580.087	65.539.036.348
Cộng	1.670.826.558.244	1.227.634.371.648

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	214.930.405	110.690.314
Chi phí khác	812.609.286	98.232.171
Cộng	1.027.539.691	208.922.485

10. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho nhân viên.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	16.968.859.687	19.127.276.672	77.270.153.961	1.883.586.698	83.261.085	115.333.138.103
Mua sắm mới	1.581.374.900	17.546.000	9.261.664.903	327.187.271	48.120.000	11.235.893.074
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	12.329.030.073	-	-	-	-	12.329.030.073
Thanh lý, nhượng bán	-	(364.989.940)	(3.337.682.525)	-	-	(3.702.672.465)
Số cuối năm	30.879.264.660	18.779.832.732	83.194.136.339	2.210.773.969	131.381.085	135.195.388.785
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	932.714.953	268.711.600	2.464.716.823	695.199.976	83.261.085	4.716.448.975
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.916.681.256	6.021.404.702	30.634.471.466	1.094.741.565	83.261.085	41.750.560.074
Khấu hao trong năm	1.743.579.957	2.049.057.397	9.201.529.419	376.344.856	-	13.370.511.629
Thanh lý, nhượng bán	-	(335.837.943)	(1.515.151.212)	-	-	(1.850.989.155)
Số cuối năm	5.660.261.213	7.734.624.156	38.320.849.673	1.471.086.421	83.261.085	53.270.082.548
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	13.052.178.431	13.105.871.970	46.635.682.495	788.845.133	-	73.582.578.029
Số cuối năm	25.219.003.447	11.045.208.576	44.873.286.666	739.687.548	48.120.000	81.925.306.237
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 92.336.784.004 VND và 56.575.809.449 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.800.000.000	144.200.743	8.944.200.743
Số cuối năm	8.800.000.000	144.200.743	8.944.200.743
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	630.666.681	118.752.830	749.419.511
Khấu hao trong năm	176.000.004	12.215.004	188.215.008
Số cuối năm	806.666.685	130.967.834	937.634.519
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.169.333.319	25.447.913	8.194.781.232
Số cuối năm	7.993.333.315	13.232.909	8.006.566.224
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	10.712.290.864	7.658.324.210	(11.235.893.074)	(768.775.000)	6.365.947.000
XDCB dở dang	9.644.186.606	2.684.843.467	(12.329.030.073)	-	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	50.781.225	34.811.269	-	(85.592.494)	-
Cộng	20.407.258.695	10.377.978.946	(23.564.923.147)	(854.367.494)	6.365.947.000

14. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.409.271.000	478.765.395	1.930.505.605
Khấu hao trong năm	-	185.328.540	
Số cuối năm	2.409.271.000	664.093.935	1.745.177.065

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	264.000.000	264.000.000
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	185.328.540	185.328.540

15. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân ⁽ⁱ⁾	3.600.000	36.000.000.000	1.561.000	15.610.000.000
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt ⁽ⁱⁱ⁾	552.500	5.525.000.000	288.400	2.884.000.000
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ ⁽ⁱⁱⁱ⁾		3.000.000.000		3.000.000.000
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex ^(iv)	1.566.000	15.660.000.000	-	-
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex ^(v)	4.860.000	51.660.000.000	-	-
Cộng		111.845.000.000		21.494.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701545462 thay đổi lần thứ 03 ngày 15 tháng 7 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân là 15.610.000.000 VND, tương đương 60,04% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty góp vốn thêm 20.390.000.000 VND nâng tỷ lệ góp vốn lên 70,59% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701535016 thay đổi lần thứ 04 ngày 25 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt 5.525.000.000 VND, tương đương 69,06% vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700650584 thay đổi lần thứ 02 ngày 19 tháng 10 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ là 8.000.000.000 VND, tương đương 50,00% vốn điều lệ. Tuy nhiên đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp 3.000.000.000 VND chiếm 79,37% so với số vốn góp thực tế tại Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ (các thành viên còn lại không góp bổ sung).

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700877200 thay đổi lần thứ 03 ngày 26 tháng 9 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex là 5.400.000.000 VND, tương đương 20,00% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty mua thêm 1.080.000 cổ phiếu với giá trị là 10.800.000.000 VND và chuyển nhượng 54.000 cổ phiếu với giá trị chuyển nhượng là 540.000.000 VND. Cuối năm, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex là 15.660.000.000 VND, tương đương 58,00% vốn điều lệ.

(v) Trong năm, Công ty đã mua 4.860.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex với giá mua và chi phí mua là 51.660.000.000 VND, tương đương 81,00% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Sinviet ⁽ⁱ⁾		2.235.910.000		2.235.910.000
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	540.000	5.400.000.000
Cộng		2.235.910.000		7.635.910.000

(i) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trưởng ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.

(ii) Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex với số tiền 15.660.000.000 VND tương đương 58,00% vốn điều lệ nên chuyển sang trình bày ở khoản đầu tư vào Công ty con (Xemthuyết minh V.15).

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu:				
- Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
- Công ty cổ phần dược Becamex	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
- Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	1.700.000	13.800.000.000	1.700.000	13.800.000.000
- Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	1.464.000	14.640.000.000	1.464.000	14.640.000.000
- Trường đại học quốc tế Miền Đông	1.440.000	14.400.000.000	1.440.000	14.400.000.000
- Công ty cổ phần Bông đá chuyên nghiệp Việt Nam ^(*)	30.000	300.000.000	-	-
Cộng		51.160.000.000		50.860.000.000

(*) Cổ phiếu của Công ty cổ phần Bông đá chuyên nghiệp Việt Nam: tăng do mua 30.000 cổ phiếu với giá mua 300.000.000 VND.

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	3.324.967.414	3.018.015.175
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	-	500.994.633
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	1.348.334.447	-
Cộng	4.673.301.861	3.519.009.808

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	3.519.009.808
Trích lập dự phòng bổ sung	1.154.292.053
Số cuối năm	4.673.301.861

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**19. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.844.925.197	629.360.640	(1.607.115.055)	867.170.782
Chi phí thuê văn phòng	301.813.807	189.553.120	(301.813.807)	189.553.120
Chi phí khác	81.252.276	216.600.000	(81.252.276)	216.600.000
Cộng	2.227.991.280	1.035.513.760	(1.990.181.138)	1.273.323.902

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

21. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

22. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	176.217.506.780	117.580.482.251
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.31)	20.000.000.000	-
Cộng	196.217.506.780	117.580.482.251

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

Số đầu năm	117.580.482.251
Số tiền vay phát sinh	447.639.386.387
Kết chuyển từ vay dài hạn	20.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(389.002.361.858)
Số cuối năm	196.217.506.780

23. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền hàng hóa bất động sản, xây dựng	605.880.981.169	145.560.633.015
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	113.833.530.549	199.121.452.955
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.735.691.045	-
Cộng	721.450.202.763	344.682.085.970

24. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản	235.308.045.303	225.739.227.009
Các khoản người mua trả tiền trước khác	75.645.224.400	6.771.054.122
Cộng	310.953.269.703	232.510.281.131

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	238.441.251	9.151.997.626	(3.109.882.020)	6.280.556.857
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.231.586.438	(2.231.586.438)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.596.179.269	(4.596.179.269)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.247.300.640	51.081.624.941	(46.878.065.300)	30.450.860.281
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	433.018.455	841.855.854	(1.196.154.501)	78.719.808
Thuế thu nhập cá nhân	55.870.461	1.606.535.458	(1.516.496.220)	145.909.699
Các loại thuế khác	-	776.541.496	(776.541.496)	-
Cộng	26.974.630.807	70.286.321.082	60.304.905.244	36.956.046.645

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	204.229.034.002	253.669.589.709
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.053.811.906	1.453.164.495
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.956.346.144)	(18.318.368.079)
Thu nhập tính thuế	204.326.499.764	236.804.386.125
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	51.081.624.941	59.201.096.531

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**26. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải trả.

27. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	57.600.164.001	28.533.916.667
Trích trước chi phí công trình	431.961.383.615	361.627.969.833
Cộng	489.561.547.616	390.161.886.500

28. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	445.233.129	266.199.716
Cổ tức phải trả	121.626.612.124	145.832.124
Thu hộ tiền bán đất cho Becamex	-	59.722.057.650
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	21.898.900.112	22.415.585.750
Nhận ký quỹ môi giới	2.100.452.750	7.735.073.500
Tiền mua cổ phần	54.562.646.188	4.800.000.000
Tiền rút thăm trúng thưởng	-	2.186.000.000
Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án	100.000.000	190.000.000
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	738.243.720	690.111.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.482.348.032	1.377.990.413
Cộng	202.954.436.055	99.528.850.353

29. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	22.006.731.427
Tăng do trích lập trong năm	7.104.794.970
Số đã sử dụng	(267.453.354)
Hoàn nhập trong năm	(21.619.379.871)
Giảm do thanh lý hợp đồng	(208.067.728)
Số cuối năm	7.016.625.444

30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.996.252.157	6.628.529.434	1.000.000	(8.055.293.520)	570.488.071
Quỹ phúc lợi	(21.017.914)	1.893.865.553	-	(1.199.084.000)	673.763.639
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	348.147.963	868.000.000	-	(948.000.000)	268.147.963
Cộng	2.323.382.206	9.390.394.987	1.000.000	(10.202.377.520)	1.512.399.673

31. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	44.008.035.762	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác ⁽ⁱⁱ⁾	150.000.000.000	150.000.000.000
Cộng	194.008.035.762	150.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đầu tư xây dựng dự án khu phố thương mại Uni-Town (giai đoạn 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định.

(ii) Khoản vay Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên để đầu tư xây dựng dự án TDC Plaza.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Dưới 01 năm	20.000.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	194.008.035.762
Tổng nợ	214.008.035.762

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	-	69.008.035.762	(5.000.000.000)	(20.000.000.000)	44.008.035.762
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	150.000.000.000	-	-	-	150.000.000.000
Cộng	150.000.000.000	69.008.035.762	(5.000.000.000)	(20.000.000.000)	194.008.035.762

32. Doanh thu chưa thực hiện

Lãi bán nhà trả góp.

33. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 43.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	78.519.220.000
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	78.519.220.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.767.200.390.024	1.807.755.038.944
- Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng	377.234.011.139	386.895.577.054
- Doanh thu bán thành phẩm	159.301.951.658	208.101.458.740
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.220.592.780.272	1.205.431.877.142
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.071.646.955	7.326.126.008
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(137.132.362.558)	(22.624.177.762)
- Hàng bán bị trả lại	(137.132.362.558)	(22.624.177.762)
Doanh thu thuần	1.630.068.027.466	1.785.130.861.182
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần kinh doanh vật liệu xây dựng	377.234.011.139	386.895.577.054
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	159.301.951.658	208.101.458.740
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	1.083.781.235.895	1.182.807.699.380
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	9.750.828.774	7.326.126.008

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng	355.570.597.484	364.361.197.896
Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ ⁽ⁱ⁾	137.606.140.281	180.490.106.695
Giá vốn kinh doanh bất động sản	829.229.474.965	921.815.595.597
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.369.358.330	13.040.139.110
Cộng	1.329.775.571.060	1.479.707.039.298

⁽ⁱ⁾ Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	168.354.746.270	160.864.273.991
Chi nhân công trực tiếp	3.163.736.762	6.891.720.814
Chi phí sản xuất chung	40.114.325.725	35.888.396.771
Tổng chi phí sản xuất	211.632.808.757	203.644.391.576
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(3.604.412.632)	263.881.074
Trừ xuất khác	-	(258.453.984)
Tổng giá thành sản xuất	208.028.396.125	203.649.818.666
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(543.100.699)	475.086.295
Nhập khác	47.487.574	-
Nhập xuất chuyển kho	-	(23.634.798.266)
Xuất khác	(69.926.642.719)	-
Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ	137.606.140.281	180.490.106.695

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.778.244.202	14.763.289.116
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	323.134.305	1.155.417.444
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.734.830.600	5.846.808.803
Lãi bán hàng trả chậm	1.277.466.923	1.407.745.816
Lãi đầu tư cổ phiếu	7.981.140.370	-
Doanh thu khác	178.053.395	302.467.997
Cộng	15.272.869.795	23.475.729.176

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	28.465.766.431	20.870.252.149
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	297.023.189	787.646.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.267.400.560	-
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	506.618.100
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	1.570.250.472	4.233.559.274
Chi phí khác	42.198.483	39.632.107
Cộng	35.642.639.135	26.437.708.130

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	17.256.247.112	11.621.560.246
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	488.243.415	2.586.075.274
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.558.941.879	2.555.228.499
Chi phí hoa hồng môi giới	21.892.007.007	8.458.586.404
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.435.133.605	6.192.157.528
Chi phí khác	18.818.768.605	20.184.134.436
Cộng	68.449.341.623	51.597.742.387

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	18.858.065.734	13.499.211.749
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	873.753.080	1.682.811.036
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.217.820.913	1.812.709.366
Chi phí dự phòng	72.571.144	1.708.024.207
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.009.338.031	1.445.188.714
Chi phí khác	15.489.554.487	15.972.297.472
Cộng	39.521.103.389	36.120.242.544

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.269.504.573	10.941.127.403
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	21.619.379.871	9.888.382.137
Thành phẩm bê tông thừa	2.380.369.650	4.044.616.566
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	6.435.927.568	18.042.454.044
Thu nhập khác	607.138.773	522.574.722
Cộng	34.312.320.435	43.439.154.872

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.851.683.310	4.478.354.317
Chi phí khác	183.845.177	35.068.845
Cộng	2.035.528.487	4.513.423.162

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	172.047.314.527	175.554.716.003
Chi phí nhân công	45.692.512.014	35.583.377.329
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.558.726.637	12.117.272.064
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.784.393.337	31.126.176.722
Chi phí khác	73.520.307.254	36.980.834.389
Cộng	319.603.253.769	291.362.376.507

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.245.560.000	1.021.250.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	60.280.080	24.402.600
Tiền thưởng	315.000.000	292.000.000
Cộng	1.620.840.080	1.337.652.600

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một Cổ đông đại diện vốn nhà nước thành viên	
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt	Công ty con
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	Công ty con
Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân	Công ty con
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex	Công ty con
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty liên kết
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức	Công ty liên kết
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên doanh
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị - UDJ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty cùng Tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i>		
Xuất bán hàng hoá và dịch vụ	94.242.622.447	137.009.935.595
Thu hộ tiền bán đất	435.341.182.592	-
Ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh		314.968.391.717
Thi công công trình xây dựng	303.655.991.279	127.786.944.841
Các khoản khác	72.727.273	133.144.307
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	6.642.506.403	73.934.056.563
Cung cấp dịch vụ	171.272.727	-
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Bán nguyên vật liệu	425.388.700	5.496.678.385
Tiền mua nguyên vật liệu	434.826.800	-
<i>Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	21.827.075.708	-
Cung cấp dịch vụ	264.000.000	264.000.000
Bán tài sản	1.771.896.886	181.818.182
Thi công công trình	42.871.444.408	18.950.875.969
Mua nguyên vật liệu	-	2.753.029.073
Thẩm tra quản lý dự án công trình nhà xưởng bầu bàng	278.650.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	-	2.030.015.993
Mua nguyên liệu	19.876.583.051	21.563.094.227
<i>Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ</i>		
Bán nguyên vật liệu	-	-
Cung cấp dịch vụ	1.210.701.657	797.978.179
Mua công cụ, dụng cụ	6.390.220.000	-
<i>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt</i>		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất	-	4.238.409.091
Bán nguyên vật liệu	14.534.788.470	151.910.160
Bán thành phẩm	-	42.490.924
Bán tài sản cố định	242.925.093	136.363.636
Phí giám sát, tư vấn thiết kế	44.617.540.932	7.765.146.522
<i>Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức</i>		
Mua cọc bê tông	9.825.090.000	-
<i>Công ty liên doanh TNHH SinViet</i>		
Cung cấp dịch vụ	8.152.000	-
<i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex</i>		
Mua nguyên vật liệu	1.111.549.556	-
<i>Công ty cổ phần được Becamex</i>		
Mua đất nền	96.347.983.775	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	17.465.775.684	48.817.254.473
Xây dựng công trình	334.021.590.407	-
Ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	62.673.531.692
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	5.162.594.911	42.855.837.868
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	-	572.977.739

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	-	2.001.517.500
Ứng trước tiền mua nhà	200.000.000	-
<i>Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	24.669.783.279	-
Ứng trước tiền thi công công trình	-	1.053.533.232
Cho thuê mặt bằng	290.400.000	-
Thẩm tra quản lý dự án công trình nhà xưởng		
bầu bằng	306.515.000	-
Tiền bán tài sản	1.289.086.575	-
<i>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt</i>		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản		
trên đất	3.321.860.000	4.040.100.000
Bán nguyên vật liệu	5.060.500	367.326.204
<i>Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ</i>		
Ứng trước tiền cung cấp dịch vụ	-	338.910.030
<i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex</i>		
Ứng tiền mua nguyên vật liệu	11.572.196.588	-
Cộng nợ phải thu	398.304.862.944	162.720.988.738
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp</i>		
<i>- TNHH một thành viên</i>		
Thu hộ tiền bán đất	372.724.852.279	59.722.057.650
Phải trả tiền thuê cửa hàng	-	-
Vay dài hạn	150.000.000.000	150.000.000.000
<i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex</i>		
Tiền mua nguyên vật liệu	5.894.478.500	6.126.548.610
<i>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt</i>		
Phí giám sát, tư vấn thiết kế	10.465.814.418	5.869.931.773
<i>Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân</i>		
Thi công công trình	8.808.689.968	-
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Cung cấp dịch vụ	188.400.000	-
<i>Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức</i>		
Mua cọc bê tông	5.503.635.905	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cty liên doanh TNHH SinViet		
Cung cấp dịch vụ	8.967.200	-
Công ty cổ phần dược Becamex		
Mua đất nền	96.401.130.000	-
Cộng nợ phải trả	<u>649.995.968.270</u>	<u>221.718.538.033</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bê tông nhựa nóng.
- Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản: xây dựng và kinh doanh các căn hộ.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 44 đến trang 46.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt.

- Đối với khách hàng liên quan đến hoạt động thương mại và sản xuất (chủ yếu liên quan đến Tổng Công ty dầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên và các công ty cùng tập đoàn) nên khả năng thu hồi vốn luôn được đảm bảo.
- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản yêu cầu khách hàng phải thanh toán đầy đủ và đúng tiến độ mới bàn giao nhà cho khách hàng. Riêng đối với trường hợp mua nhà trả trong nhiều năm, bộ phận kinh doanh bất động sản theo dõi chi tiết thời hạn thanh toán để có thể thu tiền cho đúng tiến độ.
- Đồng thời nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc các bộ phận khác để thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.936.516.201	-	-	-	37.936.516.201
Phải thu khách hàng	1.349.056.540.764	-	-	4.291.816.931	1.353.348.357.695
Các khoản phải thu khác	3.264.998.304	-	-	-	3.264.998.304
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	55.625.789.153	3.629.981.782	-	-	59.255.770.935
Cộng	1.445.883.844.422	3.629.981.782	-	4.291.816.931	1.453.805.643.135
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.614.848.124	-	-	-	63.614.848.124
Phải thu khách hàng	1.063.478.628.969	-	-	4.263.621.283	1.067.742.250.252
Các khoản phải thu khác	18.098.189.205	-	-	-	18.098.189.205
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	47.187.694.669	-	-	-	47.187.694.669
Cộng	1.192.379.360.967	-	-	4.263.621.283	1.196.642.982.250

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	253.817.670.781	194.008.035.762	-	447.825.706.543
Phải trả người bán	721.450.202.763	-	-	721.450.202.763
Các khoản phải trả khác	633.732.342.821	-	-	633.732.342.821
Cộng	1.609.000.216.365	194.008.035.762	-	1.803.008.252.127
Số đầu năm				
Vay và nợ	117.580.482.251	150.000.000.000	-	267.580.482.251
Phải trả người bán	344.682.085.970	-	-	344.682.085.970
Các khoản phải trả khác	512.037.372.977	-	-	512.037.372.977
Cộng	974.299.941.198	150.000.000.000	-	1.124.299.941.198

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro lãi suất.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản vay có giá trị nhỏ.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.936.516.201	-	63.614.848.124	-	37.936.516.201	63.614.848.124
Phải thu khách hàng	1.353.348.357.695	(4.271.180.121)	1.063.543.641.275	-	1.349.077.177.574	1.063.543.641.275
Các khoản phải thu khác	3.264.998.304	-	18.098.189.205	-	2.291.168.904	18.098.189.205
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	59.255.770.935	(3.629.981.782)	47.187.694.669	-	55.625.789.153	47.187.694.669
Cộng	1.453.805.643.135	(7.901.161.903)	1.192.444.373.273	-	1.444.930.651.832	1.192.444.373.273

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	390.225.542.542	267.580.482.251	390.225.542.542	267.580.482.251
Phải trả người bán	721.450.202.763	344.682.085.970	721.450.202.763	344.682.085.970
Các khoản phải trả khác	691.332.506.822	512.037.372.977	691.332.506.822	512.037.372.977
Cộng	1.803.008.252.127	1.124.299.941.198	1.803.008.252.127	1.124.299.941.198

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,812,860,786	(439,592,214)	28,675,831,702	13,710,055,862	102,264,350,861	1,150,864,630,837
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	191,350,603,359	191,350,603,359
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(80,000,000,000)	(80,000,000,000)
Giảm phân phối các quỹ	-	-	(172,120,972)	-	(344,241,945)	(172,120,972)	1,067,150,028	378,666,139
Chỉ quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	-	439,592,214	-	-	-	439,592,214
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	(5,278,598,846)	-	-	-	(5,278,598,846)
Số dư cuối năm trước	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,640,739,814	(5,278,598,846)	28,331,589,757	13,537,934,890	214,682,104,248	1,257,754,893,703
Số dư đầu năm nay	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,640,739,814	(5,278,598,846)	28,331,589,757	13,537,934,890	214,682,104,248	1,257,754,893,703
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	153,092,030,175	153,092,030,175
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	(9,390,394,987)	(9,390,394,987)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(200,000,000,000)	(200,000,000,000)
Chỉ quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	-	5,278,598,846	-	-	-	5,278,598,846
Số dư cuối năm nay	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.640.739.814	-	28.331.589.757	13.537.934.890	158.383.739.436	1.206.735.127.737

Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểuLý Thị Bình
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về t kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác c n chi n không ng n a bộ phận theo nh vực kinh doanh a Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	377,234,011,139	159,301,951,658	1,083,781,235,895	9,750,828,774	-	1,630,068,027,466
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	377,234,011,139	159,301,951,658	1,083,781,235,895	9,750,828,774	-	1,630,068,027,466
Chi phí bộ phận	365,136,494,645	140,293,445,913	885,425,613,795	7,369,358,330		1,398,224,912,683
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	12,097,516,494	19,008,505,745	198,355,622,100	2,381,470,444	-	231,843,114,783
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(39,521,103,389)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						192,322,011,394
Doanh thu hoạt động tài chính						15,272,869,795
Chi phí tài chính						(35,642,639,135)
Thu nhập khác						34,312,320,435
Chi phí khác						(2,035,528,487)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(51,081,624,941)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(55,378,886)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						153,092,030,175
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2,238,067,728	7,329,885,605	15,032,483,574	-	-	24,600,436,907
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2,015,365,348	10,551,587,755	3,158,116,545	-	-	15,725,069,648
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	386,895,577,054	208,101,458,740	1,182,807,699,380	7,326,126,008	-	1,785,130,861,182
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	386,895,577,054	208,101,458,740	1,182,807,699,380	7,326,126,008	-	1,785,130,861,182
Chi phí bộ phận	373,111,610,389	188,855,825,229	956,297,206,957	13,040,139,110	-	1,531,304,781,685
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	13,783,966,665	19,245,633,511	226,510,492,423	(5,714,013,102)	-	253,826,079,497
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(36,120,242,544)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						217,705,836,953
Doanh thu hoạt động tài chính						23,475,729,176
Chi phí tài chính						(26,437,708,130)
Thu nhập khác						43,439,154,872
Chi phí khác						(4,513,423,162)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(59,201,096,531)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(3,117,889,819)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						191,350,603,359
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4,557,117,185	28,455,035,754	2,567,845,631	-	-	35,579,998,570
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2,423,764,484	16,844,802,602	1,066,005,613	-	-	20,334,572,699
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-

Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực tài sản (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

i n i a n theo nh c kinh doanh a Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	972,578,809,565	275,857,570,462	2,010,237,947,918	-	3,258,674,327,945
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					117,184,311,631
Tổng tài sản					3,375,858,639,576
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	290,354,306,479	6,671,960,147	1,575,264,934,879	-	1,872,291,201,505
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					296,832,310,334
Tổng nợ phải trả					2,169,123,511,839
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	306,068,606,249	158,503,428,595	2,017,009,059,486	-	2,481,581,094,330
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					172,045,077,603
Tổng tài sản					2,653,626,171,933
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	270,222,029,745	711,265,423	1,087,200,146,848	-	1,358,133,442,016
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					37,737,836,214
Tổng nợ phải trả					1,395,871,278,230

Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểuLý Thị Bình
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc